TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thanh Huyền

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Huyền Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2025, gồm những người tham gia tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Nguyễn Trọng D, sinh ngày 02/05/1998; CCCD số: xxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/6/2024; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã L, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang sinh sống tại: Đài Loan (Có đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Chị Trần Thị Minh N, sinh ngày 29/09/2003; CCCD số: xxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/04/2021; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã L, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang sinh sống tại: Đài Loan. (Có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản chung và Bản tự khai của anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N cùng trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/02/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã L), tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự do tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh), quá trình sống chung có mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên

xích mích. Đến cuối năm 2024, anh D và chị N xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng làm cùng công ty và sống cùng nhau nhưng tính tình không hòa hợp nên vẫn mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung. Mặc dù được gia đình nội ngoại vun vén nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N không có con chung

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Hiện nay, anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N đều đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan không thể về tham gia giải quyết vụ việc được nên anh chị đã có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 4, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

- Về lệ phí: Anh D tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N đều đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Các tài liệu kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Trọng D gửi về có xác nhận của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc số chứng thực 55-10, quyển số 01/2025 - SCT/CKĐC ngày 02/10/2025; của chị Trần Thị Minh N gửi về có xác nhận của Văn phòng

Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc số chứng thực 56-10, quyển số 01/2025 - SCT/CKĐC ngày 02/10/2025. Tại thời điểm thụ lý, các bên đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ việc và cùng đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cũng như các quan hệ con chung, tài sản chung nên Tòa án đã thụ lý việc hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh chị theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là L), tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N là hợp pháp. Anh D và chị N đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, các đương sự đã thống nhất và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên họp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng D nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự, người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán

TANDTC; Điều 4, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N.

2. Về tài sản chung: anh Nguyễn Trọng D và chị Trần Thị Minh N không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng D nộp 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000445 ngày 04/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV1-Hà Tĩnh;
- Phòng THADS KV1-Hà Tĩnh;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huyền